

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2018/DS-PT**
Ngày 26-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLDS-PT ngày 07 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L C, sinh năm 1971.
Cư trú tại: Số 4 thôn H D, xã L L, huyện Đ D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị LT, sinh năm 1961.
Cư trú tại: Số 93 đường N T N, phường 2, thành phố Đ L. Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018.

- Bị đơn: Bà Nguyễn T T, sinh năm 1960.
Cư trú tại: Thôn Yên K H, xã L L, huyện Đ D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê X T1, sinh năm 1966.
Cư trú tại: Số 37, tổ 9, P N, xã H T, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2016.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Trần Thị L C.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Bà Trần Thị L C trình bày:

Ngày 09/7/2015, bà ký hợp đồng mua bán hành tây với bà T. Theo hợp đồng thì bà T phải trồng hành tây trên diện tích 20.000m² với sản lượng bình quân 07 tấn/1000m². Thời hạn trồng từ đầu tháng 10/2015 đến hết tháng 10/2015. Thời hạn thu hoạch từ ngày 01/02/2016 đến hết ngày 20/3/2016. Bà C có nghĩa vụ thu mua hành tây do bà T trồng từ đầu vụ đến cuối vụ là 4.000đồng/01kg. Bà đã tạm ứng cho bà T số tiền 4.000.000 đồng/1000m², tổng diện tích diện tích 20.000m² bà đã tạm ứng cho bà T số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên cam kết Bà C không được từ chối mua hành tây dù giá thị trường lên hay xuống. Bà T phải trồng đủ diện tích đã ký hợp đồng và cung ứng đủ sản phẩm hành tây đã trồng cho bà C. Bà T không được bán hành tây cho bất kỳ ai khác. Bên nào vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng/1000m².

Sau khi thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ cây giống từ vườn ươm và trồng đủ trên diện tích đất đã ký theo hợp đồng. Đến khi thu hoạch, giá hành tây ngoài thị trường 6.000đồng/01kg thì bà T chỉ thu hoạch và giao cho bà 19.040kg tương đương với số tiền ứng trước là 80.000.000 đồng. Sau đó bà T đề nghị bà nâng giá thu mua mới tiếp tục giao hành tây. Ngày 27/02/2016 bà đề nghị chính quyền địa phương xã K Đ can thiệp yêu cầu bà T tạm dừng thu hoạch chờ xử lý. Tuy nhiên, bà T vẫn lén lút thu hoạch và tẩu tán hành tây đi nơi nào không rõ. Ngày 01/3/2016, bà T gọi điện thoại cho chồng bà vào thu hoạch hành tây nhưng khi vào vườn không thấy ai giao hành, chỉ có vài củ hành tây còn sót lại. Ngày 04/3/2016 UBND xã K Đ ghi nhận hiện trường trong đó có 127 luống hành tây được nhổ khỏi đất, sau đó có tiến hành hòa giải giữa hai bên nhưng bà T không chấp nhận bồi thường.

Do bà T đã vi phạm tất cả những nội dung cơ bản đã ký theo hợp đồng mua bán hành tây ngày 09/7/2015 với bà như: Đòi tăng giá, không giao đủ số hành tây theo cam kết, bán hành tây cho người khác, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 400.000.000đồng theo quy định tại điều V của hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015. Ngoài ra khi ký hợp đồng với bà T thì bà đã đưa vào hợp đồng có nội dung “Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2015 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM V H” gọi tắt là công ty V H. Tuy nhiên bà chỉ ghi nội dung này vào cho quan trọng, tăng thêm phần thuyết phục để bà T yên tâm ký hợp đồng và làm ăn với bà. Thực chất, hợp đồng mua bán hành tây ngày 09/7/2015 chỉ là hợp đồng ký kết giữa bà và bà T, không liên quan gì đến công ty V H.

Ông Lê X T1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Nguyễn T T trình bày:

Bị đơn không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn với các lý do sau:

Khi bà C đến gặp bà T đề nghị ký hợp đồng mua bán hành tây thì có nói với bà T là được Công ty V H ủy quyền tìm người có đất trồng hành tây để Công ty thu mua theo thỏa thuận: Công ty đầu tư 4.000.000đồng/1000m² và cam kết thu mua hết số lượng hành tây với giá 4.000 đồng/01kg tính trong phạm vi số tiền Công ty đã đầu tư. Ngoài phạm vi đó Công ty sẽ thu mua hành tây theo giá thị trường mà không theo giá 4.000 đồng/01kg nữa. Khi thu hoạch, bà T đã bán hành tây cho Công ty thông qua bà C là 19.040kg. Sau khi giao số hành tây này, bà C và bà T đã thỏa thuận xem như tương đương với số tiền Công ty đã bỏ ra đầu tư 80.000.000đồng. Từ sau thời điểm này, nếu bà T thu hoạch hành tây thì Công ty phải mua theo giá thị trường. Thống nhất xong, giữa bà C và bà T đã ký với nhau một bản hợp đồng có ký xác nhận từng trang và bà C đã giữ bản hợp đồng này.

Về nội dung của hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015, bị đơn không công nhận trang 01 và trang 02 của hợp đồng vì nó không giống với sự thỏa thuận giữa bà T và bà C như đã trình bày, không có chữ ký xác nhận của cả hai bên trong khi chỉ có một bản hợp đồng duy nhất.

Về việc thu mua hành tây, sau khi bà C đại diện cho Công ty thu mua 19.040kg đợt đầu thì không thu mua nữa. Bà T đã nhổ và đóng sẵn vào 146 bao, mỗi bao 35kg để sẵn. Bà T đã báo Công an xã K Đ nhờ can thiệp, chờ 10 ngày không thấy bà C đến thu mua nên toàn bộ số hành tây này đã hư hỏng nên Công ty là người có lỗi.

Bà C không có quyền yêu cầu bà T bồi thường, vì theo hợp đồng, bà C chỉ là người đại diện cho Công ty V H đến ký hợp đồng và hưởng hoa hồng 200đồng/01kg hành tây thu mua được. Do đó, bà C không có thiệt hại gì cả nên không có quyền yêu cầu bồi thường. Nếu bà C có quyền khởi kiện bà T thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán hành tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 giữa bà Trần Thị L C và bà Nguyễn T T vô hiệu vì bà C đã đưa vào hợp đồng nội dung “Thực hiện theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02 tháng 07 năm 2015 của công ty CP Đầu tư và Phát triển TM V H” nhưng Công ty V H khẳng định Công Ty không ủy quyền cho bà C ký hợp đồng với bà T, chứng tỏ bà C có sự gian dối làm cho bà T tin tưởng mà đã ký vào hợp đồng này.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Đ D đã xử:

1. Tuyên bố hợp đồng mua bán hành tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 giữa bà Trần Thị L C và bà Nguyễn T T vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường số tiền 400.000.000đồng.

3. Buộc bà Nguyễn T T phải thanh toán cho bà Trần Thị L C số tiền 3.840.000 đồng để giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/12/2017 nguyên đơn bà Trần Thị L C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ D.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định rõ; Hợp đồng mua bán hàng tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 được ký kết giữa bà Trần Thị L C với bà Nguyễn T T chứ không phải được ký kết theo sự ủy quyền của Công ty CP Đầu tư và Phát triển TM V H (gọi tắt là Công ty V H) cho bà C được ghi trong hợp đồng. Do vậy bà C được quyền khởi kiện vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Trần Thị L C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn T T bồi thường số tiền 400.000.000đ do vi phạm hợp đồng mua bán hàng tây theo Hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015; phía bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L C, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được cấp sơ thẩm thu thập và lời khai của các đương sự thể hiện:

Xét về hình thức và nội dung của Hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 được ký kết giữa bà Trần Thị L C và bà Nguyễn T T:

Về hình thức: Tại Điều I về nội dung hợp đồng do chính các đương sự xác lập quy định: “*có sự công chứng hoặc xác nhận của cơ quan sở tại hoặc nhân chứng nhằm thực hiện sự hợp tác được nghiêm túc, lâu bền, hai bên cùng có lợi*”. Đối chiếu

với hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 do nguyên đơn xuất trình thì không có công chứng, chứng thực hoặc có người làm chứng như hai bên quy định.

Về nội dung: Về chủ thể của hợp đồng (bên A) bà Trần Thị L C, chủ hộ thu mua, là người được Công ty CP Đầu tư và Phát triển TM V H ủy quyền để ký kết hợp đồng với (bên B) là bà Nguyễn T T (theo giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02/7/2015). Kết quả xác minh của người Đại diện pháp luật cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển TM V H, ông Nguyễn Đ T2, chức vụ Tổng giám đốc khẳng định: Công ty V H không có ủy quyền cho bà Trần Thị L C ký kết hợp đồng mua bán hành tây với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02/7/2015 do bà C xuất trình tại tòa là do bà C tự ý phô tô chữ ký và con dấu của Công ty. Như vậy việc bà C sử dụng giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 02/7/2015 đưa vào nội dung của hợp đồng là không đúng với bản chất về chủ thể để ký kết hợp đồng giữa hai bên, từ đó làm cho phía bị đơn bà T hiểu sai lệch về chủ thể ký kết của hợp đồng. Căn cứ điểm c Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định: “*Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện*”. Đối chiếu với Hợp đồng số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 cho thấy khi ký kết hợp đồng (bên A) bà C đã có hành vi cố ý làm cho (bên B) bà T hiểu sai lệch về chủ thể ký kết hợp đồng. Do vậy giao dịch dân sự này bị vô hiệu do bị lừa dối ngay từ đầu được quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự 2005. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán hành tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 được ký kết giữa bà Trần Thị L C và bà Nguyễn T T là vô hiệu đồng thời căn cứ vào Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; cụ thể giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập ngày 09/7/2015 để buộc bà Nguyễn T T phải thanh toán cho bà Trần Thị L C số tiền 3.840.000đ là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị L C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L C: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trần Thị L C với bị đơn bà Nguyễn T T. Xử:

1. Tuyên bố hợp đồng mua bán hành tây số 10/HĐKT ngày 09/7/2015 giữa bà Trần Thị L C và bà Nguyễn T T vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường số tiền 400.000.000đồng.

3. Buộc bà Nguyễn T T phải thanh toán cho bà Trần Thị L C số tiền 3.840.000đ (ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị L C phải chịu 20.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.100.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000947 ngày 01/4/2016 và 300.000đ theo biên lai thu số 0004767 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D. Bà C còn phải nộp 9.900.000đ (chín triệu chín trăm nghìn đồng) án phí.

Buộc bà Nguyễn T T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Đ D;
- CCTHADS H. Đ D;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng